

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**



QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung về Quỹ	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của kiểm toán viên	4
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	6
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	7
Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	8
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	9
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT)	10
Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	11

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB

THÔNG TIN CHUNG

Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng	01/GCN-UBCK cấp ngày 30 tháng 6 năm 2011 Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 5 năm.
Giấy phép phát hành chứng chỉ Quỹ ra công chúng	29/GCN-UBCK cấp ngày 22 tháng 2 năm 2011
Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ	31/2012/QD-SGDHCM cấp ngày 29 tháng 3 năm 2012
Ban Đại diện Quỹ	
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên
Ông Huỳnh Sơn Trung	Thành viên
Công ty Quản lý Quỹ	Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ ACB
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Trụ sở đăng ký	Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ ACB ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan để các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB ("Quỹ") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng sự tiếp tục hoạt động của Quỹ là không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được ghi chép đúng đắn và đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với sự chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm qui định khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty Quản lý Quỹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Thay mặt Công ty Quản lý Quỹ



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ (tiếp theo)

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 24. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động của Quỹ trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Nguyễn Ngọc Hùng
Chủ tịch
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB ("Quỹ") được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 20 tháng 3 năm 2013. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 24.

Trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB ("Công ty Quản lý Quỹ") đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động của Quỹ trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.



Ian S Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Tổng Giám đốc



Phạm Thị Xuân Mai
Số chứng chỉ KTV: 1771/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3443
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
A.	TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3.1	112.905.841.976	254.982.491.685
120	2. Đầu tư Chứng khoán	3.2	2.103.400.000	-
128	3. Đầu tư khác	3.3	152.000.000.000	-
130	4. Phải thu hoạt động đầu tư	3.4	5.733.722.222	-
131	5. Phải thu khác	3.5	659.064.200	2.473.665.509
200	TỔNG TÀI SẢN		273.402.028.398	257.456.157.194
B.	NGUỒN VỐN			
300	I. NỢ PHẢI TRẢ		307.744.400	159.088.537
312	1. Phải trả thu nhập cho nhà Đầu tư		125.685.000	-
315	2. Phải trả cho Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát	3.6	132.059.400	124.420.387
318	3. Phải trả khác		50.000.000	34.668.150
400	II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		273.094.283.998	257.297.068.657
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư		240.080.000.000	240.080.000.000
	<i>Trong đó:</i>			
411	1.1 Vốn góp	3.7	240.080.000.000	240.080.000.000
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	3.7	33.014.283.998	17.217.068.657
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		273.402.028.398	257.456.157.194

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

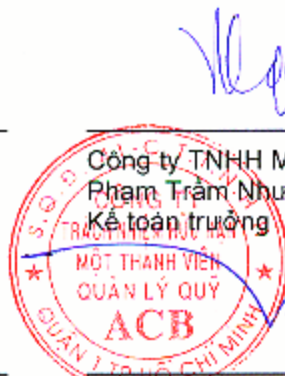
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
	Chứng khoán theo mệnh giá		1.300.000.000	-



Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

(Signature)

Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Madhavi Daluwatte
Giám đốc Khối Nghiệp vụ Bán buôn
Ngày 20 tháng 3 năm 2013



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Phạm Trâm Như Nguyễn
Kế toán trưởng

(Signature)

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	Giai đoạn từ 30.6.2011 đến 31.12.2011 VNĐ
A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN				
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		34.984.608.309	18.002.956.771
13	1. Lãi tiền gửi	3.8	34.984.608.309	18.002.956.771
30	II. Chi phí		1.653.744.155	785.888.114
31	1. Phí quản lý Quỹ	3.10	1.372.534.596	639.113.812
32	2. Phí lưu ký, giám sát Quỹ	3.9	219.814.009	100.121.676
34	3. Chi phí kiểm toán		53.409.450	34.668.150
38	4. Phí và chi phí khác		7.986.100	11.984.476
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện		33.330.864.154	17.217.068.657
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHƯA THỰC HIỆN				
70	I. Chi phí		(728.048.813)	-
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	3.2	(728.048.813)	-
80	II. Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối năm		(728.048.813)	-
90	Lợi nhuận trong năm		32.602.815.341	17.217.068.657



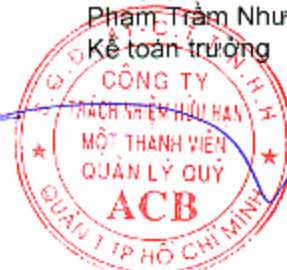
Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

(Signature)

Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Madhavi Daluwatte
Giám đốc Khối Nghiệp vụ Bán buôn
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

(Signature)

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Phạm Trâm Như Nguyễn
Kế toán trưởng



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB

MẪU SỐ B 05 - QĐT

BÁO CÁO TÀI SẢN

Mã số	Chi tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
		2012 VND	2011 VND
1	Tiền	112.905.841.976	254.982.491.685
2	Các khoản đầu tư	2.103.400.000	-
2.1	Cổ phiếu	2.103.400.000	-
2.1.1	Cổ phiếu niêm yết	2.103.400.000	-
3	Lãi tiền gửi được nhận	6.392.786.422	2.473.665.509
4	Đầu tư khác	152.000.000.000	-
	Tổng tài sản	273.402.028.398	257.456.157.194
5	Phải trả khác	307.744.400	159.088.537
	Tổng nợ phải trả	307.744.400	159.088.537
	Giá trị tài sản ròng của Quỹ	273.094.283.998	257.297.068.657
6	Tổng số đơn vị quỹ	24.008.000	24.008.000
7	Giá trị của một đơn vị quỹ	11.375	10.717



Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

(Signature)

Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Madhavi Daluwatte
Giám đốc Khối Nghiệp vụ Bán buôn
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

(Signature)

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Phạm Trâm Như Nguyễn
Kế toán trưởng



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Mã số	Chỉ tiêu	Năm kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	Giai đoạn từ 30.6.2011 đến 31.12.2011 VNĐ	Trình bày lại
I	Giá trị Tài sản ròng đầu năm của Quỹ	257.297.068.657	-	
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong năm	15.797.215.341	257.297.068.657	
	Trong đó:			
1	Vốn góp của các nhà đầu tư	-	240.080.000.000	
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	32.602.815.341	17.217.068.657	
3	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư	(16.805.600.000)	-	
III	Giá trị Tài sản ròng của Quỹ cuối năm	273.094.283.998	257.297.068.657	



Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

(Signature)

Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Madhavi Daluwatte
Giám đốc Khối Nghiệp vụ Bán buôn
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

(Signature)

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Phạm Trâm Như Nguyễn
Kế toán trưởng



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

Mã số	Loại	Số lượng	Giá trị trường tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
I	Cổ phiếu niêm yết			2.103.400.000	0,77
1	ACB	78,000	16,500	1.287.000.000	0,47
2	EIB	52,000	15,700	816.400.000	0,30
IV	Các tài sản khác			158.392.786.422	57,92
1	Lãi sẽ được nhận			6.392.786.422	2,34
2	Đầu tư khác			152.000.000.000	55,58
VI	Tiền			112.905.841.976	41,31
1	Tiền gửi ngân hàng			112.905.841.976	41,31
III	Tổng giá trị danh mục			273.402.028.398	100,00



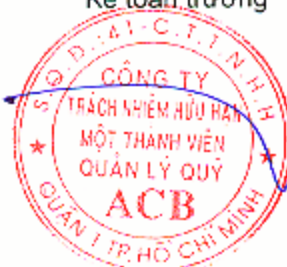
Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

(Signature)

Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Madhavi Daluwatte
Giám đốc Khối Nghiệp vụ Bán buôn
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

(Signature)

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Phạm Trâm Như Nguyễn
Kế toán trưởng



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 24 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 01/GCN-UBCK ngày 30 tháng 6 năm 2011 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") cấp. Theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 29/GCN-UBCK ngày 22 tháng 2 năm 2011 do UBCKNN cấp, Quỹ được phép phát hành 24.008.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian 5 năm.

Quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 31/2012/QĐ-SGDHCMĐT 29 tháng 3 năm 2012 và chính thức giao dịch lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2012.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên, Quỹ do Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ ACB ("Công ty Quản lý Quỹ") quản lý và do Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Charter (Việt Nam) giám sát.

Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB ("Quỹ") hướng đến xây dựng một danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa các rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của Quỹ, đạt mục tiêu tăng trưởng tài sản quỹ trong trung và dài hạn và thu nhập hàng năm ổn định cho các nhà đầu tư. Phần lớn các khoản đầu tư sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu của các công ty có tiềm năng và uy tín trên thị trường và trái phiếu Chính phủ.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán và Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên các báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

2.5 Đầu tư chứng khoán

Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là ngày mà Quỹ cam kết mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán. Việc đánh giá lại các chứng khoán niêm yết được tính căn cứ vào giá giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("các Sở Giao dịch Chứng khoán") vào ngày định giá có liên quan. Chứng khoán chưa niêm yết có giao dịch tại các công ty chứng khoán được đánh giá lại bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán có uy tín và độc lập với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát cung cấp tại ngày định giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại (tiếp theo)

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.6 Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

2.7 Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.8 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

2.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

2.11 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quỹ có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quỹ cần giữ lại 25% lợi nhuận phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật), phù hợp với công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành.

2.13 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động mua chứng khoán mà đã được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

2.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.15 Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.17 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

2.18 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tiền gửi ngân hàng	943.565.501	548.325.018
Các khoản tương đương tiền (*)	111.962.276.475	254.434.166.667
	<u>112.905.841.976</u>	<u>254.982.491.685</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.2 Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết) như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty mà Quỹ đầu tư vào. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.5, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VNĐ	Lỗ do đánh giá lại VNĐ	Giá trị hợp lý tại ngày 31.12.2012 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	2.831.448.813	(728.048.813)	2.103.400.000
3.3 Đầu tư khác		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng		152.000.000.000	-
3.4 Phải thu hoạt động đầu tư		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng		5.733.722.222	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.5 Phải thu khác

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn ban đầu dưới 3 tháng	659.064.200	2.473.665.509

3.6 Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Phí quản lý Quỹ	113.844.310	107.258.954
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	18.215.090	17.161.433
	132.059.400	124.420.387

3.7 Vốn góp của nhà đầu tư

	Vốn góp VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	240.080.000.000	-	240.080.000.000
Lợi nhuận thuần trong giai đoạn từ 30 tháng 6 năm 2011 đến 31 tháng 12 năm 2011	-	17.217.068.657	17.217.068.657
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	240.080.000.000	17.217.068.657	257.297.068.657
Lợi nhuận thuần trong năm từ 1 tháng 1 năm 2012 đến 31 tháng 12 năm 2012	-	32.602.815.341	32.602.815.341
Cổ tức được chia (*)	-	(16.805.600.000)	(16.805.600.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	240.080.000.000	33.014.283.998	273.094.283.998

Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000. Tất cả các cổ phần đều có quyền như nhau, liên quan đến quyền bỏ phiếu, cổ tức, mua lại vốn và những người khác. Mỗi cổ phiếu được phát hành và thanh toán đầy đủ, mang một phiếu biểu quyết tại cuộc họp chung của Quỹ và được quyền nhận cổ tức của Quỹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.7 Vốn góp của nhà đầu tư (tiếp theo)

(*) Cuộc họp của Ban đại diện Quỹ vào ngày 26 tháng 11 năm 2012 đã phê duyệt phân phối cổ tức bằng tiền cho năm tài chính 2011 với tỷ lệ 7% dựa trên lợi nhuận thực tế của năm 2011. Theo đó, số cổ tức bằng tiền trị giá 16.679.915.000 đồng được chi trả đủ vào ngày 25 và 27 tháng 12 năm 2012, số cổ tức còn phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 125.685.000 đồng.

3.8 Lãi tiền gửi

	Năm kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	Giai đoạn từ 30.6.2011 đến 31.12.2011 VNĐ
Lãi tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	10.406.779.459	18.002.956.771
Lãi tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	24.577.828.850	-
	<u>34.984.608.309</u>	<u>18.002.956.771</u>

3.9 Phí lưu ký, giám sát Quỹ

	Năm kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	Giai đoạn từ 30.6.2011 đến 31.12.2011 VNĐ
Phí giám sát, lưu ký trả cho Ngân Hàng giám sát) (Thuyết minh 3.10 (ii))	219.605.534	100.121.676
Phí lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	208.475	-
	<u>219.814.009</u>	<u>100.121.676</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.10 Nghiệp vụ với các bên liên quan

i) Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ ACB ("Công ty Quản lý của Quỹ")

	Năm kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	Giai đoạn từ 30.6.2011 đến 31.12.2011 VNĐ
Phí quản lý Quỹ	1.372.534.596	639.113.812

Quỹ được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên ACB ("Công ty Quản lý Quỹ"), là một công ty TNHH được thành lập theo luật pháp của nước CHXHCN Việt Nam. Theo Điều lệ Quỹ ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ và phí thường hoạt động, Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của không phẩy năm phần trăm (0,5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng.

Phí thường hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm. Mức thường hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư của những năm trước năm báo cáo bị lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Phí thường hoạt động không phát sinh trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 (2011:0)

ii) Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Charter (Việt Nam) ("Ngân hàng giám sát")

	Năm kết thúc ngày 31.12.2012 VNĐ	Giai đoạn từ 30.6.2011 đến 31.12.2011 VNĐ
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	219.605.534	100.121.676

Quỹ đã chỉ định Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Charter (Việt Nam) làm ngân hàng giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng giám sát một khoản phí lưu ký hàng tháng bằng một phần mười hai của không phẩy không tám phần trăm (0,08%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày làm việc cuối cùng của tháng.

Theo hợp đồng cung cấp dịch vụ giám sát quỹ giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát, phí giám sát được thỏa thuận bằng 0%. Vì vậy, Quỹ không có nghĩa vụ phải trả phí giám sát cho ngân hàng giám sát trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

I. Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư

	2012 %	2011 %
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng giá trị tài sản	0,77	0,00
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng giá trị tài sản	0,77	0,00
3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng giá trị tài sản	0,77	0,00
4. Tỷ lệ tiền gửi ngân hàng/Tổng giá trị tài sản	41,30	99,04
5. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng giá trị tài sản	12,80	6,99
6. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng giá trị tài sản	0,87	0,31

II. Các chỉ số thị trường

	2012	2011
1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (Đơn vị)	24.008.000	24.008.000
2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty Quản lý Quỹ cuối năm	0,01%	0,01%
3. Tỷ lệ giao dịch chứng chỉ quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong năm	0,07%	-
4. Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	11.375	10.717

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro thị trường
Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản

Danh mục đầu tư của Quỹ chỉ bao gồm chứng khoán niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tháng. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012****5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi ngân hàng.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ không bị ảnh hưởng rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đồng tiền giao dịch chính của Quỹ.

(ii) Rủi ro giá

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu chuyển đổi mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản thuần của Quỹ sẽ cao hơn/thấp hơn 210.340.000 đồng.

(iii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Quỹ. Các khoản tiền gửi ngắn hạn của Quỹ chủ yếu là bằng đồng Việt Nam.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả kinh doanh của Quỹ khi có các hướng dẫn cụ thể bởi các cơ quan quản lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và phải thu lãi tiền gửi ngân hàng.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Quỹ là tiền gửi ngân hàng và phải thu lãi tiền gửi ngân hàng.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi- phái- sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Phải trả Công ty Quản lý, Ngân hàng			
Giám sát và các khoản phải trả khác	307.744.400	-	-
	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Phải trả Công ty Quản lý, Ngân hàng			
Giám sát và các khoản phải trả khác	159.088.537	-	-
	<u> </u>	<u> </u>	<u> </u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Đo lường theo giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2012	31.12.2011	31.12.2012	31.12.2011
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	112.905.841.976	254.982.491.685	112.905.841.976	254.982.491.685
Đầu tư chứng khoán	2.103.400.000	-	2.103.400.000	-
Đầu tư khác	152.000.000.000	-	152.000.000.000	-
Phải thu hoạt động đầu tư	5.733.722.222	-	5.733.722.222	-
Phải thu khác	659.064.200	2.473.665.509	659.064.200	2.473.665.509
Tổng cộng	273.402.028.398	257.456.157.194	273.402.028.398	257.456.157.194

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2012	31.12.2011	31.12.2012	31.12.2011
	VND	VND	VND	VND
Nợ tài chính				
Trả cổ tức cho nhà đầu tư	125.685.000	-	125.685.000	-
Phải trả cho công ty quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát	132.059.400	124.420.387	132.059.400	124.420.387
Các khoản phải trả khác	50.000.000	34.668.150	50.000.000	34.668.150
Tổng cộng	307.744.400	159.088.537	307.744.400	159.088.537

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc lợi ích thông thường của giao dịch tại ngày đánh giá lại.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, phải thu khác, phải trả hoạt động đầu tư chứng khoán, phải trả cho các bên liên quan, phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

6. CÁC SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại để phù hợp với việc trình bày của năm hiện hành.

7. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt để phát hành vào ngày 20 tháng 3 năm 2013.



Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Lê Sỹ Hoàng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Ngân hàng TNHH MTV Standard Charter (Việt Nam)
Madhavi Daluwatte
Giám đốc Khối Nghiệp vụ Bán buôn

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Phạm Trâm Như Nguyễn
Kế toán trưởng



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc